

Bản án số: 101/2017/DS-ST
Ngày: 22 – 11 - 2017
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-DS, ngày 21 tháng 2 năm 2017 về tranh chấp “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2017/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Quốc V, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trịnh Tấn L, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20.2.2017 và các lời khai tại Tòa án anh Lương Quốc V (Nguyên đơn) trình bày:

Ngày 10.10.2007, âm lịch ông L có vay của anh số tiền là 4.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 400.000 đồng. Từ khi vay đến nay, ông L có trả lãi số tiền là 500.000 đồng vào đầu năm 2016. Anh không yêu cầu vợ con ông L liên đới trả mà chỉ yêu cầu ông L trả. Nay anh yêu cầu ông L trả số tiền vay vốn là 4.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật.

Tại các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa ông Trịnh Tấn L (Bị đơn) trình bày:

Khoảng năm 2007, ông có vay của bà Nguyễn Thị Bé T là mẹ của V số tiền là 4.000.000 đồng. Đối với biên nhận nợ ngày 10.10.2007 âm lịch số tiền là 4.000.000 đồng, có nội dung “tôi Trịnh tấn L ở ấp thị tường A, xã H có nhận số tiền của cháu Dương sửa xe rau dừa số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu chẵn), lãi 1 tháng là 400.000 đồng...” là do ông viết và ký tên nên không yêu cầu giám định. Từ khi vay đến nay ông có đóng lãi cho bà T từ 10.10.2007 âm lịch đến ngày 30.4.2013 âm lịch nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu. Sau đó, ngày 30.4.2013 âm lịch ông bỏ tiền vào bao thư dán kín gửi cho anh Trần Văn T trả cho bà T số tiền vốn là 4.000.000 đồng nhưng không lấy biên nhận lại. Các lần trả lãi ông đều bỏ vào bì thư dán kín đưa cho những người xe ôm là anh Trần Văn T, anh Lương Minh T, anh Quách Minh P nên không có chứng cứ chứng minh. Nay ông không đồng ý trả cho anh V số tiền vốn là 4.000.000 đồng và lãi suất.

Tại các lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Việc con bà là Lương Quốc V cho ông Trịnh Tấn L vay tiền như thế nào thì bà không biết. Bà không đưa tiền vay và cũng không nhận vốn lãi từ ông L. Bà không nhận tiền trả vốn lãi của ông L trả vốn. Bà không có ý kiến và không yêu cầu gì việc tranh chấp giữa các bên.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quy định bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn không thực hiện đúng như không tham gia hòa giải, xét xử. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L trả cho anh V số tiền vốn là 4.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là anh V và bị đơn ông L là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Xét về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch giữa các bên thực hiện ngày 10.10.2007 âm lịch, ông L có trả lãi đến năm 2015 âm lịch và tại phiên tòa các đương sự thống nhất không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đến ngày 20.02.2017, anh V khởi kiện ông L tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung tranh chấp giữa các đương sự: Phía anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông L trả số tiền là 4.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Phía ông L xác định có vay nhưng đã trả xong nên không đồng ý trả cho anh V số tiền vay vốn là 4.000.000 đồng và lãi suất.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, phía ông L xác định có trả vốn lãi cho bà T bằng hình thức bỏ tiền vào bao thư dán kín giao cho anh Phối, anh T, anh T để trả cho bà T nên những người này không biết có gì bên trong bao thư. Tại biên bản làm việc của Tòa án đối với anh T, anh T và anh Phối thì những người này xác ông L có nhờ giao bao thư cho bà T nhưng đã dán kín nên không biết gì bên trong và ông L cũng không nói gì. Đồng thời, ông L không có chứng cứ gì chứng minh đã trả xong cho anh V số tiền vốn và lãi. Phía anh V có cung cấp biên nhận nợ ngày 10.10.2007 âm lịch có nội dung “*tôi Trịnh tấn L ở ấp thị trường A, xã H có nhận số tiền của cháu Dương sửa xe rau dừa số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu chẵn), lãi 1 tháng là 400.000 đồng....*”, ông L T nhận do ông viết và ký tên nên không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Do đó, việc ông L có thiếu anh V số tiền 4.000.000 đồng là thực tế có xảy ra.

Đối với lãi suất: Phía anh V xác định ông L có trả lãi đến ngày 10 tháng 02 năm 2015 số tiền là 500.000 đồng. Tại phiên tòa anh V yêu cầu ông L trả lãi theo quy định pháp luật từ tháng 02 năm 2015 đến nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ tháng 02 năm 2015 đến ngày xét xử ngày 22/11/2017 dl (ngày 5/10/2017 âm lịch) là 2 năm 8 tháng 11 ngày.

$4.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 2 \text{ năm } 8 \text{ tháng } 4 \text{ ngày} = 964.000 \text{ đồng}$ (Làm tròn).

Đối trừ số tiền ông L đã đóng lãi: $964.000 \text{ đồng} - 500.000 \text{ đồng} = 464.000 \text{ đồng}$.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh V, buộc ông L có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền vay vốn là 4.000.000 đồng và lãi là 464.000 đồng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch*: Buộc ông L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lương Quốc V đối với ông Trịnh Tấn L.

Buộc ông Trịnh Tấn L có nghĩa vụ trả cho anh Lương Quốc V số tiền vay vốn là 4.000.000 đồng và lãi suất là 464.000 đồng, tổng cộng là 4.464.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Trong trường hợp, ông Trịnh Tấn L chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trịnh Tấn L phải chịu số tiền là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Anh Lương Quốc V không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011028, ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ TRÚC HẰNG